

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-PT

Ngày 17-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại, tranh chấp
quyền sử dụng đất và tài sản trên
đất, đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, đòi tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 17/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thu H. Địa chỉ: Số 22, đường , phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trung V, Luật sư Văn phòng luật sư Trung V, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 11, phố Đ, khu đô thị P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Bị đơn: Ông Đinh Ngọc B. Địa chỉ: Số 35, đường B, P1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 07, đường C, khối 12, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H. Địa chỉ: Số 30, ngõ 1, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Trần Lan A. Địa chỉ: Khối 3, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Bà Trần Anh Đ. Địa chỉ: Khối 2, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ: Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 48, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

4. Chị Đinh Phương D. Địa chỉ: Số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Anh Đinh Anh D. Địa chỉ: Số 35, đường B 5, P 1, phường Hoàng V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đinh Anh D và chị Đinh Phương D: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 07, đường C, khối 12, phường Hoàng V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

6. Ông Trần Sáng L. Địa chỉ: Số 30/1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Số 38, ngõ 1, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

8. Ông Nguyễn Văn S. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6A, ngõ 4, khối 4, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ liên hệ: Số 13/4, ngách 465, ngõ 465, khối 4, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

9. Ông Vũ Văn S. Địa chỉ: Số 22, đường , phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Hồng V. Địa chỉ: Số 35, đường B, P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

11. Chị Đinh Thị Hoàng Đ. Địa chỉ: Số nhà 333, tổ 1, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Đặng Anh T. Địa chỉ: Số 55A, phố B, khu đô thị P 1, khối 7, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị B. Địa chỉ: Số 38, phố T 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hà Thu H là nguyên đơn; ông Đinh Ngọc B là bị đơn; chị Đinh Phương D, bà Trần Thị H, Trần Thị Lan A, Trần Anh Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và anh Đinh Anh D, anh Nguyễn Văn S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bà Hà Thu H và bà Trần Ngọc M là chị em kết nghĩa, bà Trần Ngọc M có chồng là Đinh Ngọc B, các con gồm anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D. Vợ chồng bà Trần Ngọc M có kinh doanh vàng bạc và dịch vụ cho vay tiền. Trong quá trình làm ăn vợ chồng bà Trần Ngọc M có vay tiền của bà nhiều lần. Lần đầu tiên vay vào thời gian khoảng đầu năm 2017. Những lần trước, bà cho vợ chồng bà Trần Ngọc M vay tiền, vợ chồng bà Trần Ngọc M đã thanh toán đầy đủ. Tháng 4-2019, vợ chồng bà Trần Ngọc M vay tiếp 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và hẹn trong vòng một tháng trả. Đến hạn, bà Trần Ngọc M không trả được và hứa hẹn khi có khách thanh toán tiền thì sẽ trả. Tháng 9-2019, vợ chồng bà Trần Ngọc M lại vay bà thêm số tiền là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), hứa trả luôn trong ngày, việc vay tiền không lập thành văn bản. Sau đó, vợ chồng bà Trần Ngọc M cũng không trả tiền cho bà theo lời hẹn, bà Hà Thu H đến tận nhà đòi thì bà Trần Ngọc M và ông Đinh Ngọc B hẹn một tuần sau sẽ trả toàn bộ. Một tuần sau, vợ chồng bà Trần Ngọc M cũng không trả tiền như đã hứa. Tổng số tiền vợ chồng bà Trần Ngọc M, ông Đinh Ngọc B còn nợ bà là 3.900.000.000đ (ba tỷ chín trăm triệu đồng). Vợ chồng bà đã đến nhà bà Trần Ngọc M đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng bà Trần Ngọc M chỉ trả cho bà được 520.000.000đ, số tiền còn nợ là 3.380.000.000đ. Cũng trong thời gian này bà Trần Ngọc M bị ốm nặng, bà đã yêu cầu bà Trần Ngọc M, ông Đinh Ngọc B viết giấy xác nhận nợ và có kế hoạch trả tiền. Ông Đinh Ngọc B từ chối không chịu viết giấy nhận nợ, cho rằng đây là việc của bà Trần Ngọc M. Ngày 07-02-2021, bà Trần Ngọc M đã viết “Giấy vay tiền”, xác nhận tính đến thời điểm ngày 07-02-2021 còn vay vợ chồng bà Hà Thu H số tiền là 3.380.000.000đ (ba tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Bà yêu cầu ông Đinh Ngọc B ký vào giấy nhận nợ, nhưng ông Đinh Ngọc B từ chối ký. Sau đó bà đã nhiều lần đến yêu cầu bà Trần Ngọc M trả tiền thì bà Trần Ngọc M trình bày rằng bà không có tiền và nói có bà Trần Thị B, cư trú tại số nhà 38, phố T 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, còn nợ vợ chồng bà Trần Ngọc M 300.000.000đ và sẽ chuyển khoản nợ này, yêu cầu bà Trần Thị B trả cho bà Hà Thu H. Sau khi trao đổi trực tiếp và được bà Trần Thị B thừa nhận có vay vợ chồng bà Trần Ngọc M 300.000.000đ và đồng ý chuyển số nợ trên để trả cho bà Hà Thu H thay cho bà Trần Ngọc M. Đến nay bà Trần Thị B đã trả xong toàn bộ số tiền trên cho bà. Trừ đi số tiền bà Trần Thị B đã trả, số tiền vợ chồng bà Trần Ngọc M còn nợ bà là 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 19-9-2021 bà Trần Ngọc M chết. Sau khi bà Trần Ngọc M chết, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đinh Ngọc B trả nợ nhưng ông

Đinh Ngọc B nói rằng không vay tiền bà, không biết việc vay tiền của bà Trần Ngọc M... và không đồng ý trả tiền cho bà. Bà Hà Thu H cho rằng, số tiền 3.080.000.000đ mà hiện nay vợ chồng ông Đinh Ngọc B nợ bà là khoản nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Vì vậy, ông Đinh Ngọc B phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ trên. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đinh Ngọc B có trách nhiệm liên đới cùng với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Ngọc M (gồm chồng là ông Đinh Ngọc B, các con của bà Trần Ngọc M và ông Đinh Ngọc B là anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D, bố đẻ của bà Trần Ngọc M là ông Trần Sáng L) trả nợ và thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Ngọc M để lại trong phạm vi di sản của bà Trần Ngọc M, số tiền bà yêu cầu giải quyết là 3.080.000đ, không yêu cầu trả lãi. Di sản của bà Trần Ngọc M để lại nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng, gồm:

- Thửa đất số 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72,0m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số DC 370761 ngày 30-8-2021 cho ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M. Trên đất có căn nhà 3 tầng, địa chỉ nhà đất tại: Số 35, đường B 5C, khu đô thị P1, phường Hoàng V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là thửa 349).

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, diện tích 115,0m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ ngày 24-12-2021 cho hộ ông Đinh Ngọc B (cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00300 QSDĐ/262/2001/QĐ-UB(H) ngày 10-12-2001, thửa số 129, tờ bản đồ số 30); trên đất có nhà hai tầng và các công trình khác, địa chỉ nhà, đất tại số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là thửa 33).

- Xe ô tô nhãn hiệu CRV, biển số 12A- 029.88 đứng tên chủ sở hữu là ông Đinh Ngọc B, đăng ký lần đầu ngày 16-01-2014. Hồ sơ do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Lạng Sơn quản lý (viết tắt là xe CRV). Xe mô tô biển kiểm soát 12P1-119.49; tên chủ xe: Trần Ngọc M, số CMND: 080769414, số khung RLHJF 4612EZ154108, số máy JF46E6079004, nhãn hiệu Honda Air Blade, loại xe hai bánh, màu sơn đen, đăng ký lần đầu ngày 22-7-2015. Hồ sơ do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Lạng Sơn quản lý.

Bị đơn ông Đinh Ngọc Bích và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông Đinh Ngọc B không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu H vì việc vay nợ giữa bà Trần Ngọc Mai và bà Hà Thu H ông hoàn toàn không biết gì, khi bà Trần Ngọc M còn sống ông không nghe bà Trần Ngọc M hay bà Hà Thu H nói gì về việc vay mượn cả. Ông không quen biết, mâu thuẫn gì với bà Hà Thu H, không thấy bà Hà Thu H đến nhà ông bao giờ. Khi bà Trần Ngọc M chết không để lại tài sản gì, không để lại di chúc. Ông không được trả nợ thay cho bà Trần Ngọc M khoản nào từ khi bà Trần Ngọc M chết đến nay. Khi còn sống bà Trần Ngọc M tự kinh doanh riêng, không liên quan đến tài sản vợ chồng. Các tài sản mà bà Hà Thu H đang yêu cầu sử dụng để trả nợ khoản vay của bà Trần Ngọc M hiện nay đều không liên quan đến bà Trần Ngọc M, cụ thể:

Thửa đất 349 và ngôi nhà trên đất là tài sản của các em vợ ông Đinh Ngọc B là bà Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ. Vợ chồng ông Đinh Ngọc B chỉ tạm thời đứng tên hộ trên giấy tờ và phải hoàn trả lại toàn bộ cho bà Trần

Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ sau này. Do đó, tài sản trên không liên quan đến ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Nay các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ yêu cầu ông và các con ông trả lại nhà và đất này thì ông cũng nhất trí.

Thửa đất 33 năm 2008 vợ chồng ông Đinh Ngọc B đã tặng cho con gái là chị Đinh Phương D, tuy chưa thực hiện các thủ tục giấy tờ sang tên, nhưng trên thực tế chị Đinh Phương D là người quản lý, sử dụng và đã sửa chữa nhà hai tầng cũ, xây thêm nhà cấp 4 nối với nhà hai tầng, làm sân gạch, mái tôn và tường, cổng. GCNQSDĐ thửa 33 được cấp cho hộ gia đình ông, thời điểm đó có tên con dâu ông là chị Nguyễn Thị Hồng V, nhưng chị Nguyễn Thị Hồng V chỉ là người có tên trên sổ hộ khẩu chứ không có đóng góp, không có liên quan gì. Nay chị Đinh Phương D yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên thì ông nhất trí.

Xe ô tô CRV trước đây được thế chấp tại ngân hàng, ông Nguyễn Văn S đã bỏ tiền ra trả nợ ngân hàng thay ông để xóa thế chấp, lấy giấy tờ xe ra để bán lại cho ông Nguyễn Văn S. Vì vậy, chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn S, không còn liên quan đến ông.

Xe mô tô Air Blade đứng tên vợ ông Trần Ngọc M, hiện nay do các con là Đinh Anh D và Đinh Phương D cùng sử dụng.

Đối với số tiền còn lại trong tài khoản khoản số 030001922234, đứng tên Trần Ngọc M tại Sacombank - Chi nhánh Lạng Sơn, sau khi bà Trần Ngọc M chết, ông đã đi rút hết toàn bộ để trả nợ cho bà Trần Ngọc M đồng thời ông đã thực hiện thủ tục đóng tài khoản đó, nay tài khoản không còn hoạt động.

Khi còn sống vợ chồng ông kinh doanh độc lập, bà Trần Ngọc M kinh doanh hoa quả, lấy tiền Việt Nam mua tiền Trung Quốc, còn ông kinh doanh vàng bạc. Vợ chồng ông sử dụng tài khoản riêng, không liên quan tiền bạc. Có vài lần bà Trần Ngọc M đưa tiền mặt cho ông để nhờ ông chuyển khoản cho người khác, nhưng ông không nhớ cụ thể tên người nhận là những ai. Mẹ đẻ của bà Trần Ngọc M tên là Nông Thị Q, khi còn sống bà Nông Thị Q sống cùng bố đẻ bà Trần Ngọc M là ông Trần Sáng L. Bà Nông Thị Q chết trước bà Trần Ngọc M khoảng hơn 01 tháng. Bà Nông Thị Q và ông Trần Sáng L không liên quan gì đến tài sản của bà Trần Ngọc M cũng như tài sản của vợ chồng ông hay của các con ông. Khi còn sống bà Trần Ngọc M đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 13, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, hộ gồm có ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M và anh Đinh Anh Đinh Anh D, còn chị Đinh Phương D đã đi lấy chồng và ở nhà chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - chị Đinh Phương D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đinh Phương D trình bày: Năm 2008 chị được bố, mẹ là ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M tặng cho thửa đất và ngôi nhà tại số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhưng chưa thực hiện việc sang tên GCNQSDĐ. Năm 2014 chị cùng chồng là anh Nguyễn Văn T đến sinh sống và bắt đầu sửa sang, cải tạo lại toàn bộ căn nhà, xây dựng thêm cổng, tường rào, lát sân, sửa trần nhà và mái

tôn, xây thêm phòng ngủ và sửa phòng bếp. Thời gian sau, mẹ chị cần vay vốn ngân hàng để kinh doanh riêng nên đã thế chấp căn nhà trên. Khi đến hạn cần đáo hạn ngân hàng, chị đã dùng 600.000.000đ để ông Đinh Ngọc B thực hiện nghĩa vụ trả nợ chuộc căn nhà trên tại Sacombank - Chi nhánh Lạng Sơn. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, địa chỉ tại khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho vợ chồng và anh Nguyễn Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Anh D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đinh Anh D trình bày: Anh Đinh Anh D không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đó là khoản vay riêng của mẹ anh, anh cũng không biết đây là tiền mẹ anh vay hay kinh doanh riêng với bà Hà Thu H như thế nào nên anh không có trách nhiệm gì. Trước khi mẹ anh chết, khi bệnh viện trả về thi thoảng có gặp bà Hà Thu H đến nhà chơi nhưng anh nghĩ là bạn bè của mẹ anh đến thăm. Có một lần anh nghe loáng thoáng mẹ anh và bà Hà Thu H nói chuyện với nhau thì biết là bà Hà Thu H đến đòi tiền. Lúc đó mẹ anh đã sắp chết, gia đình cũng không có tâm trạng để hỏi mẹ anh. Các tài sản mà bà Hà Thu H đang yêu cầu giải quyết đều không liên quan đến bà Trần Ngọc M, cụ thể:

Thửa đất số 349 và ngôi nhà trên đất là của các di của anh là Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ. Trước khi mẹ anh chết, các di Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã bàn nhau mua căn nhà nêu trên và tạm thời cho bố, mẹ anh đứng tên danh nghĩa chủ nhà để bố mẹ anh có chỗ lo ma chay, chỗ để ban thờ, thờ cúng. Vì vậy, tài sản trên không thuộc sở hữu của bố, mẹ anh mà thuộc về các di của anh. Khi mua ngôi nhà trên các di cũng thông báo và yêu cầu gia đình anh sau khi mẹ anh chết, nếu gia đình anh tìm được chỗ ở mới hoặc khi các di có nhu cầu thì bố, mẹ anh phải trả lại tài sản trên cho các di. Nay các di đòi lại nhà và đất trên thì anh cũng nhất trí trả lại cho các di.

Nhà và đất tại địa chỉ số 38, ngõ 1, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bố, mẹ anh không sử dụng và đã cho vợ chồng em gái anh là Đinh Phương D năm 2008 làm hợp đồng tặng cho nhưng vợ chồng em gái anh chưa làm thủ tục sang tên. Vì vậy, tài sản trên cũng không liên quan đến mẹ anh. Vợ chồng em gái anh yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng nhà và đất này thì anh không có ý kiến, vì đó là nhà, đất của bố, mẹ anh cho ai là quyền của bố, mẹ anh.

Xe ô tô CRV trước khi mẹ anh chết, chiếc xe trên vẫn đang được thế chấp tại Ngân hàng, có người đã bỏ tiền ra trả Ngân hàng thay cho bố, mẹ anh rồi lấy chiếc xe, vì vậy chiếc xe trên thuộc sở hữu của người đó. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade hiện anh và em gái anh là chị Đinh Phương D đang sử dụng. Chiếc xe này trước khi gia đình anh mua về để cả gia đình cùng sử dụng nhưng để mẹ anh đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ trình bày: Các bà là em ruột bà Trần Ngọc M, bà Trần Ngọc M và ông Đinh Ngọc B trước đây có hai

thửa đất tại số 13A, đường N, phường V và số 38, ngõ 1, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất và căn nhà tại địa chỉ số 13 N, phường V thì bà Trần Ngọc M và ông Đinh Ngọc B ở tại đó. Do bà Trần Ngọc M vay vốn ngân hàng để làm ăn thất thoát, không có khả năng trả nợ nên ngôi nhà này đã bị bán đi để trả nợ ngân hàng và đã mang tên người khác. Đối với thửa đất và ngôi nhà tại số 38, ngõ 1, đường N, từ năm 2008 vợ chồng ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M đã viết giấy tặng cho con gái là Đinh Phương D. Năm 2014 chị Đinh Phương D cùng chồng là anh Nguyễn Văn T đã chuyển đến căn nhà này sinh sống và cải tạo, sửa sang lại toàn bộ căn nhà. Vì vậy, nhà và đất này không còn là tài sản của ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M mà là của chị Đinh Phương D mặc dù ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M chưa sang tên giấy tờ pháp lý cho chị Đinh Phương D. Như vậy, nhà và đất tại địa chỉ số 13 đường Nguyễn D và nhà đất tại địa chỉ số 33 đường Nguyễn D không còn là tài sản của ông Đinh Ngọc Bích, bà Trần Ngọc M và hai người không còn chỗ ở. Cũng trong thời điểm này, bà Trần Ngọc M lâm bệnh nặng và biết không thể qua khỏi nên các bà (Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ) thương bà Trần Ngọc M khi chết không có nhà để về, không có chỗ lo ma chay nên đã thỏa thuận bàn nhau mua căn nhà số 35 đường B, khu đô thị P 1, phường H, thành phố L để cho vợ chồng ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M mượn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất danh nghĩa chủ nhà. Sau này, khi bà Trần Ngọc M chết, gia đình sẽ chuyển lại toàn bộ quyền sử dụng đất và ngôi nhà cho các bà. Tổng số tiền mua thửa đất và tài sản gắn liền với đất là 3.000.000.000đ trong đó 1.700.000.000đ là của bà Trần Thị H, 300.000.000đ của bà Trần Lan A, 1.000.000.000đ của bà Trần Anh Đ. Quyền quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất tại địa chỉ nêu trên thực chất là của các bà, ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M chỉ đứng tên hộ trên giấy tờ và phải hoàn trả lại cho các bà. Do đó, các bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của ông Đinh Ngọc B trả lại tài sản trên cho các bà đồng sở hữu. Nếu không trả nhà và đất thì yêu cầu ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M phải trả lại cho các bà số tiền 3.000.000.000đ. Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với nhà và đất tại số 35, đường B5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giữa ông Đinh Ngọc B, ông Trần Sáng L, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S trình bày: Vợ ông là Hà Thu H, có cho vợ chồng bà Trần Ngọc M vay tiền, nguồn tiền vợ ông cho vay là tiền của gia đình. Ban đầu cụ thể việc vợ ông cho vợ chồng bà Trần Ngọc M vay tiền như thế nào ông không nắm được, chỉ đến khi không đòi được tiền thì vợ ông mới nói với ông. Hiện số tiền vợ chồng bà Trần Ngọc M còn nợ là 3.080.000.000 đồng (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Vợ chồng ông đã nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng bà Trần Ngọc M trả tiền, ban đầu vợ chồng bà Trần Ngọc M khất lần, với lý do khó khăn chưa trả được. Nhưng sau khi bà Trần Ngọc M chết thì ông Đinh Ngọc B lại không thừa nhận việc vay tiền và không chịu trả. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu H. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu H, buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M phải trả cho bà Hà Thu H số tiền còn nợ là 3.080.000.000 đồng (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Do bận nhiều

công việc nên không thể trực tiếp tham gia tố tụng được, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông có cửa hiệu may, sửa quần áo tên cửa hiệu là nhà may Hoàng S tại địa chỉ số 6A, ngõ 4, khối 4, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Đinh Ngọc B thi thoảng có đến cửa hiệu của ông để may, sửa quần áo. Khoảng sau Tết âm lịch năm 2022 (ông không nhớ rõ thời gian), ông Đinh Ngọc B có đến cửa hiệu của anh may quần áo và nói chuyện với ông ông Đinh Ngọc B đang có nhu cầu bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu CRV, biển kiểm soát 12A.029.88 màu nâu hồng với giá 450.000.000đ. Lúc đó ông cũng đang có nhu cầu mua ô tô và thấy giá cả hợp lý, nên ông và ông Đinh Ngọc B đã trao đổi, thỏa thuận thống nhất ông mua lại chiếc xe của ông Đinh Ngọc B. Hai bên thỏa thuận với nhau là ông sẽ đặt cọc 350.000.000đ còn ông Đinh Ngọc B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để sang tên xe cho ông. Khi ông đặt cọc tiền thì ông Đinh Ngọc B cũng giao tiền và giấy tờ xe (phô tô) cho ông sử dụng. Khoảng một thời gian sau ông trả nốt cho ông Đinh Ngọc B 100.000.000đ theo nội dung thỏa thuận giữa hai bên, nhưng chưa thực hiện được thủ tục sang tên, ông Đinh Ngọc B nói với ông là chờ một thời gian đã. Trước khi giao nốt 100.000.000đ cho ông Đinh Ngọc B ông cũng giao xe cho ông Đinh Ngọc B vì ông Đinh Ngọc B nói với ông là ông Đinh Ngọc B cần lấy xe đi có việc, ông cũng không hỏi ông Đinh Ngọc B có việc gì. Sau khi ông Đinh Ngọc B mang xe về đưa cho ông thì ông giao nốt cho ông Đinh Ngọc B 100.000.000đ. Từ tháng 4-2021 sau khi ông nhận xe từ ông Đinh Ngọc B và ông trực tiếp sử dụng cho đến nay thì ông chưa đi đăng kiểm lần nào, còn ông Đinh Ngọc B có đi đăng kiểm hay không thì ông không biết. Việc vay nợ giữa gia đình ông Đinh Ngọc B và bà Hà Thu H là việc riêng của gia đình họ, không liên quan đến ông. Ông chỉ biết ông có nhu cầu mua xe và ông Đinh Ngọc B bán giá hợp lý nên ông mua. Hiện nay việc mua bán giữa ông và ông Đinh Ngọc B chưa xong vì ông Đinh Ngọc B chưa làm xong thủ tục sang tên cho ông, trong hợp đồng mua bán xe nêu rõ là ông Đinh Ngọc B có trách nhiệm làm các thủ tục thừa kế để sang tên đổi chủ cho ông trong thời gian sớm nhất (không quy định ngày cụ thể). Do ông bận việc, không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh nhất trí với phần trình bày của chị Đinh Phương D về việc đề nghị Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, địa chỉ tại khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho chị Đinh Phương D và anh. Đối với các nội dung khởi kiện khác của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ anh không có ý kiến gì vì đó là việc gia đình của ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M, anh không biết gì và các tài sản đang tranh chấp không liên quan đến anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Sáng L trình bày: Ông không liên quan đến việc khởi kiện của bà Hà Thu H. Ông cũng không có liên quan, quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với hồ sơ thừa kế tài sản đất đai, nhà cửa của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Do tuổi cao, sức khỏe yếu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Chị là vợ anh Đinh Anh D, là con dâu của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Chị không biết, không liên quan gì đến các tài sản đang tranh chấp trong vụ án. Đối với nhà đất tại địa chỉ số 35, B5, chị cùng chồng và bố, mẹ chồng chỉ là người ở nhờ trên đó, chị không có đóng góp gì đối với tài sản này và chị nhất trí trả lại nhà, đất này cho các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ. Đối với nhà đất tại số 38, ngõ 1, N là tài sản của bố, mẹ chồng chị đã cho em gái chồng là chị Đinh Phương D, chị chỉ có tên trong sổ hộ khẩu, không có đóng góp gì nên chị Đinh Phương D yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất trên thì chị nhất trí. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị không đồng ý.

Người làm chứng ông Đặng Anh T trình bày: Ông không có quan hệ, quen biết gì với bà Hà Thu H, bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ. Đối với ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M thì ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại khu đô thị P1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông không có mâu thuẫn gì với những người này. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 349 nêu trên, khoảng tháng 8-2021 ông có một thửa đất đã xây nhà 03 tầng rưỡi (tầng lệt, tầng 4 xây nửa phần diện tích). Đây là khu đô thị theo dự án nên giấy phép xây dựng đã được cấp chung cả khu, cá nhân ông không cần phải xin giấy phép xây dựng, khi xây dựng thì ông có báo qua chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền. Khi xây nhà, ông có để lại khoảng 60cm làm khoảng không cho thoáng nhưng ông vẫn xây tường và lắp hàng rào hết phần diện tích thửa đất, chỉ xây và lắp hàng rào cao đến tầng 1. Phía trước cửa nhà ông cũng lát gạch đỏ sạch sẽ. Tức là ngôi nhà ông xây đã hoàn thiện, đầy đủ, người mua chỉ việc dọn đến ở. Thời điểm ông xây nhà cách thời điểm chuyển nhượng khoảng 05 tháng, khi ông xây nhà vừa xong, vừa dọn dẹp xong thì có người đến xem nhà và yêu cầu được mua luôn. Do trước đó ông đã rao bán trên các trang mạng nên có người biết đến. Khi chuyển nhượng ông trực tiếp ký hợp đồng với vợ chồng ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M, còn người đứng ra thông báo với ông là đã chuyển tiền cho ông là bà Trần Thị H. Ông cũng không biết và không quan tâm quan hệ hay việc thỏa thuận giữa bà Trần Thị H và ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M như thế nào. Ông chỉ cần biết ông nhận đủ tiền và làm hợp đồng đầy đủ, giao sổ, giao nhà cho họ. Sau khi được Tòa án cho xem Giấy giao nhận tiền ngày 06-8-2021 ông xác nhận chữ ký tại giấy giao nhận tiền trên đúng là chữ ký của ông và việc giao nhận tiền chia làm 03 đợt như vậy là đúng, còn người đứng ra thông báo giao tiền cho ông là bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H không giao tiền mặt cho ông mà chuyển khoản cho ông rồi thông báo cho ông biết. Ông không quan tâm người chuyển tiền cho ông là ai, ông chỉ kiểm tra số tiền chuyển đến tài khoản của ông đúng với số tiền ông bán nhà, đất thì ông xác nhận. Như vậy, việc chuyển nhượng giữa ông và vợ chồng ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M là có thật và ông đã làm đúng các quy định, trình tự, thủ tục, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực đầy đủ và ông đã giao đầy đủ giấy tờ cho bà Trần Thị H, ông không còn giữ giấy tờ gì. Còn việc giữa ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M và bà Trần Thị H, bà Trần Anh Đ, bà Trần Lan A thỏa thuận với nhau như thế nào là việc riêng của gia đình họ, ông không quan tâm. Ông chưa gặp bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ bao giờ, cũng chưa bao giờ thỏa

thuận mua bán nhà đất với bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ. Khi bà Trần Thị H gọi điện thông báo là đã chuyển tiền cho ông ông cũng không hỏi lý do vì sao hợp đồng đứng tên ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M mà bà Trần Thị H là người chuyển tiền. Sau khi mua bán xong thì ông không quan tâm đến việc quản lý, sử dụng đất và nhà trên đất đó nữa, vì đó là việc của người mua.

Người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Bà không có quan hệ gì với bà Hà Thu H, ông Đinh Ngọc B hay các con của ông Đinh Ngọc B, đối với bà Trần Ngọc M thì bà có quen biết sơ sơ. Bà không có mâu thuẫn gì với những người này. Năm 2020 do cần tiền có việc gia đình, bà đã vay bà Trần Ngọc M hơn 200.000.000 đồng tiền mặt, số tiền cụ thể thì bà không nhớ. Sau đó, cộng cả gốc và lãi bà Trần Ngọc M chốt nợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng. Khoảng tháng 7-2021 (bà không nhớ cụ thể thời gian) khi bà Trần Ngọc M bị ốm nặng, bà Hà Thu H đến nhà bà Trần Ngọc M đòi tiền nợ thì bà Trần Ngọc M gọi điện cho bà bảo bà là "Chị nợ em thì chị trả cho chị H để trừ nợ", bà cũng nhất trí. Sau đó, bà đã trả dần cho bà Hà Thu H, đến nay bà đã trả đủ cho bà Hà Thu H 300.000.000 đồng, không còn nợ đồng nào. Còn việc vay nợ giữa bà Trần Ngọc M và bà Hà Thu H như thế nào thì bà không nắm rõ, bà chỉ biết bà Trần Ngọc M bảo bà trả tiền bà vay bà Trần Ngọc M cho bà Hà Thu H, số tiền 300.000.000 đồng và bà đã trả xong.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các ngày 02-8-2022, 29-8-2022, 12-9-2022 và kết quả xác minh tại Ngân hàng Sacombank:

- Thửa đất số 349 (ô số 09 lô NLK.06), tờ bản đồ 09, địa chỉ tại khu đô thị P1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 72m². Tài sản trên đất: Nhà loại 1, gồm 03 tầng và 01 tầng lửng, móng cột bê tông cốt thép tường xây gạch chỉ dày 110mm, cột dầm sàn bê tông cốt thép, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái bằng ngói màu xanh, nhà xây tầng lệch, tổng diện tích sàn là 244,26m². Ngoài ra trên đất có 01 tường rào phía sau nhà, xây gạch chỉ, gắn sắt nhọn, diện tích tường xây là 3,15m², phần sắt gắn vào tường rào có diện tích 4,5m². Ngoài diện tích xây dựng như trên, thì trên thửa đất còn một phần diện tích làm ô thoáng là phần tiếp giáp giữa bức tường nhà và tường rào, ô thoáng có diện tích 2,7m². Giá trị tài sản gồm: Phần đất trị giá 30.000.000đ/m² x 72m² = 2.160.000.000đ; Ngôi nhà trị giá 1.132.021.000đ; tường rào (phần xây) trị giá 1.983.000đ; phần gắn sắt của tường rào trị giá 2.350.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 3.296.354.000đ.

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, địa chỉ tại khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 115m². Tài sản trên đất gồm nhà cũ xây năm 1991, coi nói thêm tầng 2 năm 1998, nhà xây gạch chỉ, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, trần đổ bê tông cốt thép, cầu thang bằng sắt, nền lát gạch men; phòng ngủ xây năm 2014, phòng khách + bếp, sân gạch và mái tôn, tường rào, cổng sắt đều xây dựng năm 2020. Giá trị tài sản gồm: Phần đất trị giá: 10.000.000đ/m² x 115m² = 1.150.000.000đ. Nhà cũ 2.935.920đ/m² x 25,7m² x 25% = 18.863.500đ. Phòng ngủ trị giá 2.935.920đ/m² x 26,7m² x 25% = 19.597.500đ. Phòng khách + bếp trị giá 2.935.920đ/m² x 32m² x 80% = 75.159.500đ (làm tròn). Sân gạch đỏ trị giá 255.000đ/m² x 17,8m² x 70% = 3.177.500đ. Mái tôn trị giá 191.000đ/m² x (6,99 + 17,8m²) x 70% = 3.314.500đ. Tường rào trị giá 588.000đ/m² x 12,078m² x 70% = 4.971.500đ. Cổng sắt trị giá

$1.481.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5\text{m}^2 \times 70\% = 5.183.500\text{đ}$. Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 1.280.267.500đ, trong đó, giá trị đất và ngôi nhà cũ (nhà 02 tầng) là 1.168.863.500đ.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda - Air Blade biển kiểm soát 12P1 - 119.49, đăng ký lần đầu ngày 22-7-2015 trị giá 11.880.000đ.

- Xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV biển kiểm soát 12A - 029.88, đăng ký lần đầu ngày 16-01-2014, trị giá 519.610.000đ.

- Số dư tài khoản số 030001922234, đứng tên Trần Ngọc M tại Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Lạng Sơn tính đến ngày 29-9-2022 là 4.152.748 đồng, tài khoản này hiện còn hoạt động.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 5 Điều 147; các Điều 157, 158, 159, 160, 161, 165, 166, 217, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 615, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1, 2, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thu H về việc xác định khoản nợ 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) là nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Xác nhận bà Trần Ngọc M khi còn sống nợ bà Hà Thu H 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thu H về việc buộc ông Đinh Ngọc B, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Ngọc M chết để lại, trả tiền cho bà Hà Thu H trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Ngọc M để lại là giá trị tài sản nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng, gồm có:

- Thửa đất số 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72,0m², địa chỉ tại: Số 35, đường B5C, khu đô thị P1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30-8-2021 cho ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M, số bìa DC 370761, sổ vào sổ cấp GCN 05886 và tài sản trên đất.

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, diện tích 115,0m² địa chỉ tại: Số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS- 00227, ngày 24-12-2021 cho hộ ông Đinh Ngọc B (cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00300 QSDĐ/262/2001/QĐ-UB(H) ngày 10-12-2001, thửa số 129, tờ bản đồ số 30) và tài sản trên đất.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại JF461 Air Blade, biển kiểm soát 12P1-

119.49, màu sơn đen, dung tích xi lanh 124 cm³, số máy JF46E6079004, số khung RLHJF4612EZ154108, năm sản xuất 2015, tên chủ xe Trần Ngọc M, đăng ký lần đầu ngày 22-7-2015.

- Xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại CRV, biển kiểm soát 12A - 029.88, màu sơn nâu hồng, dung tích xi lanh 2354cm³, số máy K25Z99001253, số khung RLHRM3859EY201255, tên chủ xe Đinh Ngọc B, đăng ký lần đầu ngày 16-01-2014.

Tạm dừng việc thực hiện các thủ tục đăng ký biến động, chuyển quyền sở hữu (tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng, sang tên, đổi chủ...) đối với các tài sản nêu trên cho đến khi thi hành án xong.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Đinh Phương D về việc công nhận quyền sở hữu giá trị một phần công trình xây dựng trên thửa 33, tờ bản đồ 32 địa chỉ tại khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho vợ chồng chị Đinh Phương D và anh Nguyễn Văn T (phần xây dựng gồm phòng khách + phòng bếp, phòng ngủ, tường rào, sân, mái tôn, cổng sắt), có giá trị 110.997.500 đồng (một trăm mười triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Đinh Phương D về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng cho chị Đinh Phương D và anh Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ 32 địa chỉ tại khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và phần công trình xây dựng nhà cũ (nhà 02 tầng).

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ về việc buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M gồm ông Trần Sáng L, ông Đinh Ngọc B, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D trả lại nhà và đất tại địa chỉ số 35, đường Bông Lau 5, khu đô thị P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đồng sở hữu.

6. Về chi phí tố tụng

Ông Đinh Ngọc B phải chịu 22.363.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và 6.480.000đ chi phí giám định, tổng số tiền là 28.843.000 đồng. Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, ông Đinh Ngọc B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H 28.843.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Bà Hà Thu H phải chịu 1.110.500 đồng (một triệu một trăm mười nghìn năm trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền này chị Đinh Phương D đã nộp tạm ứng, bà Hà Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đinh Phương D.

Chị Đinh Phương D phải chịu 9.994.500đ (chín triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được trừ vào số tiền tạm ứng chị Đinh Phương D đã nộp. Xác nhận chị Đinh Phương D đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Chị Đinh Phương D phải chịu 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp nên chị Đinh Phương D có nghĩa vụ

hoàn trả cho bà Hà Thu H nhưng được trừ vào 1.110.500đ (một triệu một trăm mười nghìn năm trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà bà Hà Thu H có nghĩa vụ hoàn trả chị Đinh Phương D, chị Đinh Phương D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H 1.589.500 đồng (một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng) chi phí giám định.

Bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ cùng phải chịu 11.105.000đ (mười một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí mà bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã nộp. Xác nhận bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ cùng phải chịu 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí giám định, số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hà Thu H 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng), tương ứng mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả bà Hà Thu H 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Hà Thu H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xác định số tiền nợ 3.080.000.000đ là khoản nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M, buộc ông Đinh Ngọc B liên đới với những người thừa kế di sản của bà M thực hiện nghĩa vụ của bà M để lại, trả cho bà Hà Thu H 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn: Ông Đinh Ngọc B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc buộc ông phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Ngọc M đã chết để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần liên quan đến chiếc xe ô tô Honda CRV, biển kiểm soát 12A-029.88. Kèm theo đơn kháng cáo, ông S nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ là 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S (bản sao).

Anh Đinh Anh D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, đánh giá công sức đóng góp của vợ chồng anh đóng góp số tiền đã thanh toán cho khoản vay của bà Trần Ngọc M 600.000.000đ để ngân hàng giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Trần Thị H, bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số

34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M gồm ông Đinh Ngọc B, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D và ông Trần Sáng L trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất, ngôi nhà trên đất tại thửa 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72m² địa chỉ tại khu đô thị P1, phường Hoàng V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đồng sở hữu.

Chị Đinh Phương D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trừ công sức đóng góp của vợ chồng anh Đinh Anh D đã thanh toán cho khoản vay của bà Trần Ngọc M để ngân hàng giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, xác định rõ phần giá trị di sản bà Trần Ngọc M để lại, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại.

Ngày 28-10-2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kháng nghị số 70/QĐ-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn với lý do: Vi phạm trong việc thu thập đánh giá chứng cứ. Vi phạm trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng. Xác định về chi phí tố tụng và án phí chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hà Thị Thu H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu xác định số tiền nợ 3.080.000.000đ là khoản nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M, buộc ông Đinh Ngọc B liên đới với những người thừa kế di sản của bà M thực hiện nghĩa vụ của bà M để lại, trả cho bà Hà Thu H 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 BLTTDS; điều 615 BLDS, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thu H; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về việc hủy án; không chấp nhận kháng cáo của các đương sự khác về việc hủy bản án.

Bị đơn ông Đinh Ngọc B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của: Bà Trần Thị H, bà Trần Lan A, bà Trần Thị Đ. Chị Đinh Phương D, anh Đinh Anh D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đại diện VKSND tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Kháng nghị của Viện kiểm sát làm trong thời hạn luật định, nên kháng nghị là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với kháng cáo của bà H, đề nghị cấp phúc thẩm xác định số tiền 3.080.000.000 đồng là khoản nợ chung của ông B và bà M, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của ông B, anh D, chị Dung và các bà H, Lan A, bà Đ, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của họ. Căn cứ Giấy vay tiền lập ngày 07/02/2021 xác định có việc bà M vay của bà H số tiền 3.080.000.000 đồng là có thật, nên khi bà M chết những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại là đúng quy định tại khoản 2 Điều 615 Bộ luật Dân sự. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc những người thừa kế của bà M phải trả số tiền nợ nêu trên là có căn cứ. Tuy nhiên, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập tài liệu làm rõ có việc chị D trả số tiền 600.000.000 đồng và trả lãi khoản vay Ngân hàng hay không, để xem xét giải quyết yêu cầu của chị D về việc quản lý nhà, đất thửa số 33 là chưa đảm bảo. Đồng thời, đối với yêu cầu độc lập của bà H, bà Lan A, bà Đ yêu cầu ông B và những người thừa kế của bà M trả lại nhà, đất thuộc thửa 349 tại số 35, đường B 5, khu đô thị P 1 cho các bà đồng sở hữu; nếu không trả nhà đất thì yêu cầu ông Bích và những người thừa kế của bà M trả lại số tiền 3.000.000.000 đồng mà các bà đã chuyển khoản cho ông Đặng Anh T người chuyển nhượng nhà, đất nêu trên cho ông B, bà M. Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với nhà, đất thuộc thửa số 349. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm không xem xét, đánh giá các tài liệu chuyển tiền của các bà H, Lan A, bà Đ để nhận chuyển nhượng thửa đất số 349, do đó bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H, bà Lan A, bà Đ là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ. Do còn có những vi phạm nêu trên chưa đủ cơ sở để xem xét nội dung kháng cáo của ông B, anh D, chị D và các bà H, Lan A và bà Đ.

- Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, kháng cáo nội dung liên quan đến chiếc xe ô tô CRV biển số 12A-029.88, đứng tên chủ sở hữu ông Đinh Ngọc

B, nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật do vướng thủ tục thừa kế của bà M nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ nội dung này nên kháng cáo của ông S chưa đủ cơ sở xem xét.

Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát: Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn có vi phạm về tố tụng và nội dung. Theo yêu cầu khởi kiện của bà H xác định ông B, anh D, chị D có nghĩa vụ trả tiền nợ cho bà, nhưng bản án sơ thẩm chỉ xác định ông B là bị đơn và xác định anh D, chị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo các tài liệu bà H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, tại bảng cáo phó “Tin buồn” của đám tang bà M có ghi Trưởng nữ là Đinh Thị Hoàng Đ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập tài liệu xác định chị Đ là ai, có liên quan đến các tài sản của ông B, bà M hay không, để đưa vào tham gia tố tụng là chưa đảm bảo. Không xem xét giải quyết yêu cầu của chị D về việc quản lý nhà, đất thừa 33 là chưa đảm bảo, vi phạm trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97, điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án sơ thẩm không xem xét, đánh giá các tài liệu chuyển tiền của các bà H, bà Lan A, bà Đ để nhận chuyển nhượng thửa đất số 349, do đó bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H, bà Lan A, bà Đ là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ theo quy định Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra. Về xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí còn có sự mâu thuẫn, chưa chính xác về con số. Không buộc bà H chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, là không đúng quy định khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự xử hủy bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo của các đương sự sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội người kháng cáo không phải chịu án phí, hoàn trả những người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đồng thời, ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Bích được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng họ đã có văn bản ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt và những người vắng mặt này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhiều lần; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, cũng như các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hà Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng; kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, xác định số tiền nợ 3.080.000.000đ là khoản nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Buộc ông Đinh Ngọc B liên đới với những người thừa kế di sản của bà M thực hiện nghĩa vụ của bà M để lại, trả cho bà Hà Thu H 3.080.000.000đ là có cơ sở. Bởi, số tiền trên bà Trần Ngọc M vay trong thời kỳ hôn nhân với ông Đinh Ngọc B; bà M vay về để phục vụ công việc kinh doanh chung của gia đình không phải vay tiêu riêng, sử dụng riêng cho cá nhân bà M. Hơn nữa, các lần bà Trần Ngọc M đến vay tiền bà Hà Thu H và khi bà Hà Thu H giao tiền cho bà M đều có ông B đi cùng nhận tiền; có lần theo yêu cầu của vợ chồng bà M, bà Hà Thu H đã nhiều lần chuyển số tiền cho vay vào tài khoản của ông Đinh Ngọc B. Căn cứ vào các tài liệu sao kê của Ngân hàng Sacombank cung cấp cho Tòa án; ngày 06/02/2017 Hiền chuyển vào tài khoản 030001858791 tên ông Đinh Ngọc B, tại ngân hàng Sacombank số tiền 1.300.000.000đồng, nội dung H chuyển tiền Đinh Ngọc B (BL số 156); và các tài liệu khác được thể hiện tại (BL từ 180 đến 238), thể hiện bà Hà Thu H nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản 030001858791 tên ông Đinh Ngọc B, ngày 10/02/2017 chuyển số tiền 500.000.000đồng; ngày 28/02/2017 chuyển số tiền 380.000.000đồng; thể hiện các giao dịch trên tài khoản, thì sau những lần bà H chuyển tiền vào tài khoản thì ông Đinh Ngọc B là người đã trực tiếp sử dụng các khoản tiền trên. Cụ thể: 06/02/2017 bà Hiền chuyển số tiền vào TK ông B là 1.300.000.000đ; ngay trong ngày hôm đó đã có giao dịch “Đinh Ngọc B chuyển khoản” với hai mã: mã 1 chuyển số tiền 400.000.000đ; mã hai chuyển số tiền 600.000.000đồng. Tương tự các trường hợp khác chuyển tiền cho bà Mai, thì ông Bích cũng sử dụng thể hiện tại (BL số 197 b); Tài khoản 106000108877 tên Đinh Ngọc Bích, tại Ngân hàng TMCP công thương Vietin bank (BL từ số 303 đến 308) thể hiện ngày 31/10/2019: Hà Thu H chuyển số tiền là 105.355.000 đồng; ngày 19/11/2019: Hà Thu H chuyển số tiền là 129.356.000 đồng; các giao dịch trên tài khoản, thì sau những lần bà H chuyển tiền vào tài khoản ông B, là người đã trực tiếp sử dụng các khoản tiền trên. Ông Đinh Ngọc B cũng đã có lần chuyển trả tiền cho bà Hà Thu H từ tài khoản mang tên ông Đinh Ngọc B. Ngày 07/10/2020 từ Tk 106000108877 mang tên Đinh Ngọc B, đến TK 030033825486 tên Hà Thu H, số tiền 90.000.000đ (BL số 17); từ Tk 030001858791 ông Đinh Ngọc B đến TK 030033825486 tên Hà Thu H: Ngày 25/01/2017, chuyển 1.100.000.000đ gồm ba mã: hai mã mỗi mã 500.000.000đ và một mã 100.000.000đồng (BL 181) và nhiều lần khác trong năm 2017 đến năm 2020 thể hiện tại các bút lục số 183 đến 187 và nhiều bút lục khác có trong hồ sơ vụ án, với các nội dung là “M trả H”, “M H”, “M chuyển tiền”. Như vậy, có căn cứ khẳng định rằng quan hệ giao dịch chuyển tiền, trả tiền từ tài khoản của ông Đinh Ngọc B sang tài khoản bà Hà Thu H diễn ra liên tục, trong thời gian dài; số tiền có lúc

vài chục triệu đồng, có lúc lên đến hơn một tỷ đồng; việc chuyển tiền của bà Đinh Ngọc M cho bà Hà Thu H thể hiện trên tài khoản của ông Bích với số lượng tiền nhiều, liên tục; ông Đinh Ngọc B thực hiện và thể hiện sự đồng ý với nội dung các giao dịch trên. Như vậy, thể hiện số tiền trên hoạt động kinh doanh của gia đình; thể hiện qua việc số tiền bà Hà Thu H chuyển vào tài khoản thì ông B cũng sử dụng và số tiền bà M vay bà H ông B hoàn toàn biết và có tham gia các giao dịch trong việc nhận tiền, trả tiền. Ngoài ra thể hiện qua các giao dịch trên tài khoản của ông Đinh Ngọc B: Tiền chuyển cho bà M thì ông B cũng sử dụng và chuyển cho ông B thì bà M cũng sử dụng; như vậy có căn cứ khẳng định gia đình bà M và ông B kinh doanh chung, sử dụng chung tài khoản.

[3] Ngày 07-02-2021, bà Trần Ngọc M đã viết “Giấy vay tiền”, xác nhận tính đến thời điểm ngày 07-02-2021 còn vay vợ chồng bà Hà Thu H số tiền là 3.380.000.000đ (ba tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Bà yêu cầu ông Đinh Ngọc B ký vào giấy nhận nợ, nhưng ông Đinh Ngọc B từ chối ký. Sau đó bà đã nhiều lần đến yêu cầu bà Trần Ngọc M trả tiền thì bà Trần Ngọc M trình bày rằng bà không có tiền và nói có bà Trần Thị B, cư trú tại số nhà 38, phố T5, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, còn nợ vợ chồng bà Trần Ngọc M 300.000.000đ và sẽ chuyển khoản nợ này. Sau khi trao đổi trực tiếp và được bà Trần Thị B thừa nhận có vay vợ chồng bà Trần Ngọc M 300.000.000đ và đồng ý chuyển số nợ trên để trả cho bà Hà Thu H thay cho bà Trần Ngọc M. Trừ đi số tiền bà Trần Thị B đã trả, số tiền vợ chồng bà Trần Ngọc M còn nợ bà là 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 19-9-2021 bà Trần Ngọc M chết, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đinh Ngọc B trả nợ nhưng ông Đinh Ngọc B nói rằng không vay tiền của bà, không biết việc vay tiền của bà Trần Ngọc M... và không đồng ý trả tiền cho bà. Bà Hà Thu H cho rằng, số tiền 3.080.000.000đ mà hiện nay vợ chồng ông Đinh Ngọc B nợ bà là khoản nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Vì vậy, ông Đinh Ngọc B phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ trên. Kết quả giám định cho thấy, chữ viết, chữ ký tại Giấy vay tiền nêu trên chính xác là chữ viết, chữ ký của bà Trần Ngọc M. Do đó, Giấy vay nợ trên là có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đinh Ngọc B có trách nhiệm liên đới cùng với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Ngọc M (gồm ông Đinh Ngọc B, các con của bà Trần Ngọc M trả nợ số tiền 3.080.000đ, không yêu cầu trả lãi, là có căn cứ.

[4] Khi bà Trần Ngọc M chết không để lại di chúc và có để lại tài sản, nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng và hộ gia đình, gồm có: Thửa đất số 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72,0m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số DC 370761 ngày 30-8-2021 cho ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M. Trên đất có căn nhà 3 tầng, địa chỉ nhà đất tại: Số 35, đường B5C, khu đô thị P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị nhà và đất là **3.296.354.000 đồng**. Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, diện tích 115,0m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ ngày 24-12-2021 cho hộ ông Đinh Ngọc B (cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00300 QSDĐ/262/2001/QĐ-UB(H) ngày 10-12-2001, thửa số 129, tờ bản đồ số 30); trên đất có nhà hai tầng và các công trình khác, địa chỉ nhà, đất tại số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là **1.280.267.500 đồng**, trong đó, giá trị đất và ngôi nhà cũ (nhà 02 tầng) là 1.168.863.500 đồng. Xe ô tô nhãn hiệu CRV, biển số 12A- 029.88 đứng tên chủ sở hữu là ông Đinh Ngọc B, đăng ký lần đầu ngày 16-01-2014. Hồ sơ do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Lạng Sơn quản lý, trị giá **519.610.000 đồng**. Xe mô tô biển kiểm soát 12P1-119.49; tên chủ xe: Trần Ngọc M, nhãn hiệu Honda Air Blade, loại xe hai bánh, màu sơn đen, đăng ký lần đầu ngày 22-7-2015. Hồ sơ do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Lạng Sơn quản lý. Trị giá **11.880.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M là **5.108.111.500 đồng**, khối tài sản chung này đều đứng tên ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M và các con của ông B bà M là người sở hữu, quản lý, sử dụng chưa chia. Bản án sơ thẩm cho rằng số tiền nợ 3.080.000.000đ mà hiện nay bà Trần Ngọc M chưa trả cho bà Hà Thu H là khoản nợ riêng của bà Trần Ngọc M là không đúng và chưa đánh giá hết các căn cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thu H, sửa bản án sơ thẩm và xác định là nợ chung, vì có căn cứ. Buộc ông Đinh Ngọc B liên đới với những người thừa kế di sản của bà Mai thực hiện nghĩa vụ của bà M để lại, trả cho bà Hà Thu H số tiền **3.080.000.000 đồng** và phải chịu lãi xuất chậm trả theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Đinh Ngọc B đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, về việc buộc ông phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Ngọc M đã chết để lại là không được chấp nhận, vì không có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của anh Đinh Anh D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, đánh giá công sức đóng góp của vợ chồng anh đóng góp số tiền đã thanh toán cho khoản vay của bà Trần Ngọc M 600.000.000 đồng, để ngân hàng giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa anh vào tham gia tố tụng ngay từ đầu. Tại các bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh D đã từ chối khai nhận và cho rằng số tiền trên là của em gái (chị D) nộp vào để giải chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị V (vợ anh D) đã cung cấp tài liệu chứng cứ mới là bảng sao kê của Ngân hàng cung cấp, chị V (vợ anh D) là người đã nộp số tiền trên để giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, phường V, thành phố L. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm chị D thừa nhận chị không được chuyển số tiền này để giải chấp, mà số tiền trên là của vợ chồng anh D, chị V chuyển cho ông B. Bởi vậy, kháng cáo của anh D được chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của chị Đinh Phương D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trừ công sức đóng góp của vợ chồng anh Đinh Anh D đã thanh toán cho khoản vay của bà Trần Ngọc M để ngân hàng giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, xác định rõ phần giá trị di sản bà Trần Ngọc M để lại, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại. Hội đồng xét xử thấy rằng, như đã phân tích tại mục [3] [4] và [6] phần nhận định của bản án này, kháng cáo của chị D không có cơ sở

để chấp nhận. Bởi, khối tài chung của ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M hiện ông B và các con của ông B và bà Mai (anh D, chị D...) vẫn đang là những người quản lý sử dụng, nếu phải chia di sản thừa kế, thì vợ chồng anh D, chị D được tính công sức đóng góp theo tỷ phần được hưởng của số tài sản còn lại. Do vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của vợ chồng anh D, chị D vẫn được đảm bảo.

[8] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H, bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất, ngôi nhà trên đất tại thửa 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72m² địa chỉ tại khu đô thị P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đồng sở hữu. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Hoàng Thị Thúy D chứng nhận ngày 06/8/2021. Thì bên chuyển nhượng là ông Đặng Anh T (sinh năm 1972; địa chỉ: Đường T, khu đô thị P4, khối 3, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; còn bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Ngọc B và vợ là bà Trần Ngọc M; ông B và bà Trần Ngọc M đã thực hiện thủ tục kê khai đăng ký và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30-8-2021, được cấp cho ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Như vậy, việc chuyển nhượng đã hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật, đã được đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M, nên đó là tài sản chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M nhận chuyển nhượng với ông Đặng Anh T. Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 25/8/2022 ông T đã khẳng định: Ông không có quan hệ, quen biết gì với bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ; ngôi nhà trên đất là do ông xây dựng trước khi bán cho ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M; Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất với ông Đặng Anh T; ông Đinh Ngọc B, bà Trần Thị M, vợ chồng anh Đinh Anh D, chị Nguyễn Thị Hồng V và các con đã chuyển đến ở ổn định và hiện nay vẫn đang ở tại nhà đó, không có tranh chấp với ai. Mặt khác, bà Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ có nộp chứng cứ là “ Văn bản cam kết” đề ngày 04/8/2021, có nội dung Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ cho ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M mượn quyền sử dụng đất, ngôi nhà trên đất tại thửa đất số 349 (ô số 9, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72m² tại địa chỉ khu đô thị P I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ông B, bà M chỉ đứng tên hộ; sau khi bà M chết thì gia đình phải trả lại khi các bà có yêu cầu. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 378/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (BL số 574-575), đã kết luận là chữ ký, chữ viết không phải của bà M... Do vậy, kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế di sản của Bà Trần Ngọc M: Ông Đinh Ngọc B, ông Trần Sáng L, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D trả lại nhà đất trên cho các bà đồng sở hữu là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử thấy rằng; Đối với xe ô tô mang nhãn hiệu Honda CRV, biển số 12A- 029.88 đứng tên chủ sở hữu là ông Đinh Ngọc B. Về mặt thủ tục, ông Đinh Ngọc B chưa sang tên sở hữu

được cho ông Nguyễn Văn S do vướng thủ tục. Kết quả xác minh tại cơ quan đăng kiểm cho thấy ngày 20-6-2022 ông Đinh Ngọc B là người mang chiếc xe ô tô nêu trên đi đăng kiểm, có căn cứ xác định đến thời điểm 20-6-2022 ông Đinh Ngọc B vẫn là người sử dụng chiếc xe. Đối với số tiền mua bán giữa ông Đinh Ngọc B và ông Nguyễn Văn S nếu có sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[10] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Lạng Sơn, thấy rằng; Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót trong giải quyết vụ án. Xác định thiếu người tham gia tố tụng; theo tài liệu nguyên đơn cung cấp (BL số 22) có chị Đinh Thị Hoàng Đ là con gái trưởng của ông B nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ có tài sản liên quan đến bà M ông B hay không? Tại cấp phúc thẩm đã triệu tập tiến hành lấy lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm chị Đ cho rằng, chị là con riêng của ông B, ở với ông B bà M từ nhỏ cho đến khi đi lấy chồng, cấp sơ thẩm không đưa chị vào tham gia tố tụng là thiếu sót, nay được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập chị mới biết và không đồng ý tham gia tại cấp phúc thẩm, mà chị yêu cầu được tham gia từ cấp sơ thẩm để được trình bày và quyền lợi của chị mới được đảm bảo. Ông Đinh Ngọc B cũng thừa nhận với lời khai của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng; như đã phân tích, nhận định ở mục [2], [3] và mục [4] của bản án nêu trên, việc cấp sơ thẩm không đưa chị Đ vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự, tài sản của bà Trần Ngọc M đang do ông Đinh Ngọc B và những người con bà M là anh D, chị D quản lý, sử dụng nên buộc anh D, chị D và ông B phải thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Ngọc M để lại là có căn cứ; việc không đưa chị Đinh Thị Hoàng Đ vào tham gia tố tụng, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như không làm thay đổi quyền lợi và nghĩa vụ của chị Đ. Trường hợp có việc kiện chia thừa kế đối với tài sản còn lại, thì quyền lợi của chị Đinh Thị Hoàng Đ vẫn được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[11] Theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện. Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2022; nguyên đơn bà H xác định ông Đinh Ngọc B là bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D (Bl:01-02). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ toàn diện, cụ thể: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Đinh Phương D, cho rằng khi sử dụng nhà đất thuộc thửa 33, vợ chồng chị đã đưa cho ông B 600 triệu đồng, để giải chấp với Ngân hàng để lấy GCNQSD đất thửa đất này, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập tài liệu để làm rõ mục đích chị D trả 600 triệu đồng và trả lãi khoản vay ngân hàng thay cho bà M ông B, hay chị D trả tiền để được quản lý nhà, đất thửa số 33 là thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị D thừa nhận chị không được chuyển số tiền này để giải chấp, mà số tiền trên là của vợ chồng anh D, chị V chuyển cho ông B. Hơn nữa, chị V (vợ anh D) đã cung cấp tài liệu chứng cứ mới là bảng sao kê của Ngân hàng cung cấp, chị V (vợ anh D) là người đã nộp số tiền trên để giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 33, đường N, phường V, thành phố L. Tòa án cấp sơ thẩm đã đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào các ngày 02-8-2022, 29-8-

2022 và ngày 12-9-2022 nhưng Bản án không nhận định và quyết định di sản của bà Trần Ngọc M để lại cụ thể là bao nhiêu trong khối tài sản chung, khi xác định đối với khoản vay riêng của bà M là thiếu sót và khó khăn cho công tác thi hành án sau này. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã phân tích và nhận định ở phần trên, xác định là khoản nợ chung, nên căn cứ vào các biên bản này để sửa Bản án sơ thẩm.

[12] Đối với yêu cầu độc lập của những người liên quan là bà H, bà A, bà Đ yêu cầu ông B và những người thừa kế của bà M trả lại nhà, đất thuộc thửa số 349, tại số 35, để các bà đồng sở hữu, nếu không thì yêu cầu trả bằng tiền là 03 tỷ đồng là số tiền các bà đã chuyển khoản cho ông T người đã chuyển nhượng nhà, đất nêu trên cho ông B, bà M; Hội đồng xét xử thấy, trong đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ (Bl số 495-499) chỉ có yêu cầu duy nhất là: *“Yêu cầu ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế di sản của bà Trần Ngọc M: Ông Đinh Ngọc B, ông Trần Sáng L, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất, ngôi nhà trên đất tại thửa đất số 349 (ô số 9, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72m² tại địa chỉ khu đô thị P I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30-8-2021 đứng tên ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M) cho các bà là đồng sở hữu”*. Ngoài yêu cầu trên không có yêu cầu nào khác, không có nội dung giải quyết về số tiền 3 tỷ đồng; Tòa án cũng chưa thụ lý đối với nội dung này và các đương sự không khởi kiện về nội dung này. Mặt khác, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Hoàng Thị Thúy D chứng nhận ngày 06/8/2021, thì bên chuyển nhượng là ông Đặng Anh T, còn bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Ngọc B và vợ là bà Trần Ngọc M; tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 25/8/2022 ông T đã khẳng định: Ông không có quan hệ, quen biết gì với bà Trần Lan A, Trần Anh Đ; còn ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M thì ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 349. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất với ông Đặng Anh T; ông Đinh Ngọc B, bà Trần Thị M, vợ chồng anh Đinh Anh D, chị Nguyễn Thị Hồng V và các con đã chuyển đến ở ổn định và hiện nay vẫn đang ở tại nhà đó, không có tranh chấp với ai. Trong suốt quá trình trên các bà Trần Thị H, bà Trần Ngọc L và bà Trần Anh Đ không có ý kiến gì. Hơn nữa, ngày lập văn bản cam kết (ngày 4/8/2021) diễn ra trước thời gian các bà chuyển tiền đặt cọc mua nhà cho ông Đặng Anh T; trước thời gian ông Đặng Anh T ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông B, bà M; nên có căn cứ chứng minh **“Văn bản cam kết”** đề ngày 04/8/2021, do bà Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ nộp cho Tòa án là giả tạo.

[13] Về xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí còn có sự mâu thuẫn, chưa chính xác về con số. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và tại mục 1 phần quyết định đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xác định khoản nợ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không buộc bà H chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, là không đúng quy định khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở. Tuy nhiên, đối với những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy chưa đến mức phải hủy bản án sơ thẩm. Do đó chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn. Cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS sửa bản án sơ thẩm cũng là phù hợp.

[15] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Ngọc B phải chịu 22.363.000 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 02-8-2022 và 6.480.000đ chi phí giám định (đối với chữ viết, chữ ký của bà Trần Ngọc M tại Giấy vay tiền ngày 07-02-2021). Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, ông Đinh Ngọc B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H, tổng số tiền là 28.843.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Chị Đinh Phương D phải chịu 11.105.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29-8-2022. Xác nhận chị D đã nộp đủ. Chị D phải chịu 2.700.000đ chi phí giám định đối với chữ viết, chữ ký của bà Trần Ngọc M tại Giấy tặng cho nhà và đất ngày 20-11-2008, để trả cho bà Hà Thu H số tiền này.

[16] Các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ phải liên đới chịu 11.105.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12-9-2022 (theo yêu cầu của bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ). Xác nhận bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã nộp. Bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ còn phải chịu 2.700.000đ chi phí giám định (đối với chữ ký, chữ viết của bà Trần Ngọc M tại Cam kết tặng cho nhà và đất ngày 04-8-2021). Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hà Thu H 2.700.000đ.

[17] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hà Thu H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Hà Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí nhưng do ông Đinh Ngọc B sinh năm 1953, là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên ông Đinh Ngọc B được miễn toàn bộ tiền án phí.

[18] Đối với yêu cầu độc lập của chị Đinh Phương D, do yêu cầu của chị Đinh Phương D không được chấp nhận, nên chị Đinh Phương D phải chịu 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[19] Đối với yêu cầu độc lập của các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ do yêu cầu của những người này không được chấp nhận nên bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[20] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, nội dung nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, nội dung nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[21] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho những người kháng cáo, theo Biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 5 Điều 147; các Điều 157, 158, 159, 160, 161, 165, 166, 217, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 615, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thu H về việc xác định khoản nợ 3.080.000.000đ (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) là nợ chung của ông Đinh Ngọc B và bà Trần Ngọc M. Buộc ông Đinh Ngọc B, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Ngọc M chết để lại, trả cho bà Hà Thu H số tiền trên, trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Ngọc M để lại là giá trị tài sản nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng, gồm có: Thửa đất số 349 (ô số 09, lô NLK.06), tờ bản đồ số 09, diện tích 72,0m², địa chỉ tại: Số 35, đường B 5C, khu đô thị P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30-8-2021 cho ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M, số bìa DC 370761, số vào sổ cấp GCN 05886 và tài sản trên đất. Tổng giá trị nhà và đất là **3.296.354.000đ (ba tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).**

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32, diện tích 115,0m² địa chỉ tại: Số 38, ngõ 1, đường N, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS- 00227, ngày 24-12-2021 cho hộ ông Đinh Ngọc B (cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00300 QSDĐ/262/2001/QĐ-UB(H) ngày 10-12-2001, thửa số 129, tờ bản đồ số 30) và tài sản trên đất. Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là **1.280.267.500đ** (một tỷ hai trăm tám mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Trong đó, giá trị đất và ngôi nhà cũ (nhà 02 tầng) là **1.168.863.500đ** (một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại JF461 Air Blade, biển kiểm soát 12P1-119.49, màu sơn đen, dung tích xi lanh 124 cm³, số máy JF46E6079004, số khung RLHJF4612EZ154108, năm sản xuất 2015, tên chủ xe Trần Ngọc M, đăng ký lần đầu ngày 22-7-2015. Trị giá **11.880.000đ** (mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại CR-V, biển kiểm soát 12A - 029.88, màu

sơn nâu hồng, dung tích xi lanh 2354cm³, số máy K25Z99001253, số khung RLHRM3859EY201255, tên chủ xe Đinh Ngọc B, đăng ký lần đầu ngày 16-01-2014, trị giá **519.610.000đ** (năm trăm mười chín triệu, sáu trăm mười nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Ngọc B, bà Trần Ngọc M là **5.108.111.500đ** (năm tỉ một trăm linh tám triệu, một trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Tạm dừng việc thực hiện các thủ tục đăng ký biến động, chuyển quyền sở hữu (tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng, sang tên, đổi chủ...) đối với các tài sản nêu trên cho đến khi thi hành án xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Đinh Phương D về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng cho chị Đinh Phương D và anh Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ 32 địa chỉ tại khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và phần công trình xây dựng nhà cũ (nhà 02 tầng), vì không có căn cứ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ về việc buộc ông Đinh Ngọc B và những người thừa kế của bà Trần Ngọc M gồm ông Trần Sáng L, ông Đinh Ngọc B, anh Đinh Anh D, chị Đinh Phương D trả lại nhà và đất tại địa chỉ số 35, đường B 5, khu đô thị P 1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đồng sở hữu, vì không có căn cứ.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Ông Đinh Ngọc B phải chịu 22.363.000 đồng, tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và 6.480.000 đồng, tiền chi phí giám định, tổng số tiền là 28.843.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, nên ông Đinh Ngọc B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H số tiền 28.843.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

4.2. Chị Đinh Phương D phải chịu 11.105.000đ (mười một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận chị Đinh Phương D đã nộp đủ.

4.3. Chị Đinh Phương D phải chịu 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Số tiền này bà Hà Thu H đã nộp nên chị Đinh Phương D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H số tiền này.

4.4. Bà Trần Thị H, bà Trần Lan A và bà Trần Anh Đ cùng phải chịu 11.105.000đ (mười một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã nộp đủ.

4.5. Bà Trần Thị H, bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ cùng phải chịu 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định, số tiền này bà Hà Thu H đã nộp tạm ứng, nên các bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hà Thu H 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng), tương ứng mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thu H số tiền là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

4.6. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Bà Hà Thu H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả cho bà Hà Thu H 46.800.000đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0000856 ngày 26-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5.2. Ông Đinh Ngọc B được miễn toàn bộ tiền án phí.

5.3. Chị Đinh Phương D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chị Đinh Phương D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0000985 ngày 23-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh L. Hoàn trả cho chị Đinh Phương D số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

5.4. Bà Trần Thị H, bà Trần Lan A, bà Trần Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0000991 ngày 31-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Trần Thị H, Trần Lan A, Trần Anh Đ đã nộp đủ.

6. Về án phí phúc thẩm:

6.1. Trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp cho bà Hà Thu H, theo biên lai số AA/2021/0001072 ngày 28/10/2022.

6.2. Trả lại cho chị Đinh Phương D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0001080 ngày 01/11/2022.

6.3. Trả lại cho anh Đinh Anh D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001079 ngày 01/11/2022.

6.4. Trả lại cho anh Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0001068 ngày 27/10/2022.

6.5. Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001078 ngày 01/11/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND-TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuệ

Lộc Sơn Thái

Cao Đức Chiến

